

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức thu phí chợ; phí vệ sinh; phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô tại chợ Trung tâm Hải Hà - huyện Hải Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2007/NQ-HĐND ngày 04/7/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khoá XI, kỳ họp thứ 10 về việc bổ sung, điều chỉnh khung mức thu một số loại phí, lệ phí, quy định mức thu cụ thể một số loại phí;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 2638 TTtr/STC-QLG ngày 30/7/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu phí chợ; phí vệ sinh; phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô tại chợ Trung tâm Hải Hà - huyện Hải Hà như sau:

1. Mức thu phí chợ như Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Trên cơ sở mức thu phí chợ quy định tại mục 2 Phụ lục, Công ty trách nhiệm hữu hạn Đức Dương có trách nhiệm xây dựng tiêu chí để phân loại từng vị trí thuận lợi cho phù hợp tình hình thực tế tại chợ.

2. Mức thu phí vệ sinh:

TT	Đối tượng nộp	Mức phí (đồng/điểm kinh doanh/tháng)
1	Kinh doanh ăn uống, thực phẩm tươi sống, hoa quả tươi, rau, giải khát	30.000
2	Kinh doanh khác	20.000

3. Mức thu phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô.

Mức thu phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô thực hiện theo mức thu quy định tại tiết 1.2 và 1.3 điểm 1 Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Quyết định số 221/2008/QĐ-UBND ngày 22/01/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Công ty trách nhiệm hữu hạn Đức Dương có trách nhiệm niêm yết, thông báo công khai mức thu các loại phí tại các điểm thu phí; thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký, ban hành. Bãi bỏ mức thu phí chợ Trung tâm Hải Hà, huyện Hải Hà quy định tại điểm 13.1 Phụ lục số 2 và tỷ lệ trích để lại quy định tại tiết a điểm 3 Mục I Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Quyết định số 311/2008/QĐ-UBND ngày 29/1/2008; tỷ lệ trích để lại của phí vệ sinh quy định tại tiết a điểm 3 mục I Phần A Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Quyết định số 313/2008/QĐ-UBND ngày 29/01/2008; tỷ lệ trích để lại của phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô quy định tại tiết a điểm 3 Mục I Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Quyết định số 221/2008/QĐ-UBND ngày 22/1/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Điều 4. Các ông (bà): Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các ban, ngành của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hải Hà, Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Đức Dương và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 4 (thực hiện);
- LĐ Văn phòng UBND tỉnh;
- Các CV: TM1,4, TH1;
- Trung tâm Thông tin VP;
- Lưu VT, TM4;



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thành



PHỤ LỤC

THU PHÍ CHỢ ĐỐI VỚI CHỢ TRUNG TÂM HẢI HÀ - HUYỆN HẢI HÀ
theo Quyết định số 1916 /2012/QĐ-UBND ngày 01/8/2012 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

1) Mức thu phí chợ đối với bán hàng lưu động:

TT	Nội dung	Mức thu (đồng/lượt/người)
1	Hàng hóa đem vào chợ một lần có giá trị từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng	2.000
2	Hàng hóa đem vào chợ một lần có giá trị từ trên 200.000 đồng đến 400.000 đồng	3.000
3	Hàng hóa đem vào chợ một lần có giá trị từ trên 400.000 đồng đến 500.000 đồng	4.000
4	Hàng hóa đem vào chợ một lần có giá trị từ trên 500.000 đồng đến 600.000 đồng	5.000
5	Hàng hóa đem vào chợ một lần có giá trị từ trên 600.000 đồng đến 700.000 đồng	6.000
6	Hàng hóa đem vào chợ một lần có giá trị từ trên 700.000 đồng đến 800.000 đồng	7.000
7	Hàng hóa đem vào chợ một lần có giá trị từ trên 800.000 đồng	8.000

Mức phí trên tính cho 01 lượt hàng đem vào chợ bán trong ngày, nhưng tổng tiền phí chợ đối với người bán hàng lưu động trong một ngày không quá 8.000 đồng (tám nghìn đồng).

2) Mức thu phí chợ đối với điểm bán hàng cố định.

TT	Tiêu chí	Mức phí chợ (đồng/m ² /tháng)
I	Nhà chợ chính 3 tầng	
1	Tầng 1	
	Vị trí kinh doanh thuận lợi 1	115.000
	Vị trí kinh doanh thuận lợi thứ 2	110.000
	Vị trí kinh doanh còn lại	95.000
	Ki ốt tầng 1	100.000

TT	Tiêu chí	Mức phí chợ (đồng/m ² /tháng)
2	Tầng 2	
	Vị trí kinh doanh thuận lợi 1	95.000
	Vị trí kinh doanh thuận lợi thứ 2	90.000
	Vị trí kinh doanh còn lại	80.000
3	Tầng 3	
	Vị trí kinh doanh thuận lợi 1	90.000
	Vị trí kinh doanh thuận lợi thứ 2	80.000
	Vị trí kinh doanh còn lại	60.000
II	Khu ki ốt	
1	Ki ốt A + B	
	Vị trí kinh doanh thuận lợi thứ 1	115.000
	Vị trí kinh doanh thuận lợi thứ 2	110.000
2	Ki ốt C + D	
	Vị trí kinh doanh thuận lợi thứ 1	110.000
	Vị trí kinh doanh thuận lợi thứ 2	95.000
III	Khu Chợ phụ	
	Vị trí kinh doanh thuận lợi thứ 1	85.000
	Vị trí kinh doanh thuận lợi thứ 2	60.000
	Vị trí kinh doanh còn lại	45.000

Ngoài mức thu phí trên, các hộ kinh doanh không phải nộp khoản đóng góp đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng chợ.